TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 4 năm 2020
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị Tr và anh Phan Ngọc T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Quốc Thể.

Bà Ma Thị Thu Loan.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Nguễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLST- HNGĐ ngày 21/02/2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31/3/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Tr, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, Tuyên Quang. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh Phan Ngọc T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, Tuyên Quang.

Hiện đang cải tạo tại Đội 18, phân trại 3, Trại giam Q, Cục C10, Bộ Công an. Địa chỉ: Xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019, bản tự khai ngày 20/3/2019, ngày 02/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Trần Thị Tr) và anh Phan Ngọc T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn vào ngày 23/02/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hào Phú, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống với gia đình nhà chồng tại thôn Đ, xã H, huyện S, Tuyên Quang, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, làm ăn kinh tế, đã nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Sau đó anh T do vi phạm pháp luật nên phải chấp hành án phạt tù và hiện đang cải tạo tại Phân trại 3, Trại giam Q, Cục C10, Bộ Công an. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phan Ngọc T.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Phan Ngọc Anh T sinh ngày 28/02/2015. Sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và vay nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân như chị Trần Thị Tr trình bày là đúng. Anh (Phan Ngọc T) và chị Trần Thị Tr được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn vào ngày 23/02/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống với gia đình nhà chồng tại thôn Đ, xã H, huyện S, Tuyên Quang, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, làm ăn kinh tế, đã nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa; Sau đó bản thân anh (T) do vi phạm pháp luật nên phải chấp hành án phạt tù và hiện đang cải tạo tại Phân trại 3, Trại giam Q, Cục C10, Bộ Công an. Nay chị Trần Thị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Phan Ngọc Anh T, sinh ngày 28/02/2015. Mặc dù hiện nay anh đang phải chấp hành án tại Trại giam, nhưng anh vẫn có nguyện vọng là sau khi ly hôn thì anh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tuấn, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và vay nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Trần Thị Tr ly hôn với anh Phan Ngọc T; giao cháu Phan Ngọc Anh Tuấn, sinh ngày 28/02/2015 cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung. Chị Trần Thị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Tr có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang giải quyết tranh chấp về hôn nhân gia đình với anh Phan Ngọc T. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tr và anh Phan Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, hai vợ chồng chung sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân của chị Tr và anh T không hạnh phúc, ly thân từ năm 2018 đến nay và cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Tr, xử cho chị Trần Thị Tr ly hôn với anh Phan Ngọc T.

[3] Về con chung: Chị Tr và anh T có một con chung là cháu Phan Ngọc Anh Tuấn, sinh ngày 28/02/2015. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, bản thân anh T hiện đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con được, do vậy cần giao cháu Phan Ngọc Anh T cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên đương sự tự thỏa thuận; anh T được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, vay nợ chung: Chị Tr và anh T xác định vợ chồng không có tài sản, vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Tr phải nộp án phí sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Tr được ly hôn với anh Phan Ngọc T.

2.Về con chung: Giao cháu Phan Ngọc Anh Tuấn, sinh ngày 28/02/2015 cho chị Trần Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên đương sự tự thỏa thuận; anh T được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Tr phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0000736 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Anh T không phải nộp án phí.

Chị Trần Thị Tr và anh Phan Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15*(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bàn Văn Thế